

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 26/2019/ST-DS
Ngày 10 - 9 - 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Hiến;
2. Bà Võ Thị Trúc Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (địa chỉ: Số 45-Lê Lợi, thành phố Đ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 87/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng M;

Địa chỉ: Số 116- Lê D, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Ngọc M và bà M Thị Tuyết N; Cùng địa chỉ: Số B đường Bến H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Theo Văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 6 năm 2019). Có mặt.

2- Bị đơn: Bà Ngô Thị Như H;

Địa chỉ: Khu phố N, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị Hồng M (Sau đây viết tắt là: bà M) trình bày:

Ngày 28 tháng 12 năm 2010, bà M cho bà Ngô Thị Như H vay số tiền 72.000.000 đồng, vay không có lãi, có thời hạn, cụ thể: Ngày 28 tháng 01 năm 2011, bà H phải trả nợ vay cho bà M. Nội dung thỏa thuận nêu trên được lập thành văn bản (Giấy vay tiền).

Quá thời hạn trả nợ, bà M đã nhiều lần yêu cầu bà H trả lại tiền vay nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà M khởi kiện bà H với yêu cầu: Buộc bà Ngô Thị Như H trả lại cho bà Lê Thị Hồng M với số tiền 72.000.000 đồng.

2. Bị đơn là bà Ngô Thị Như H (Sau đây viết tắt là: bà H):

Bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Bà không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà M và không tham gia các phiên họp kiểm tra, tiếp cận việc giao nộp chứng cứ và hòa giải do Tòa án tổ chức.

3. Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

* Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

* Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 256 và Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1- Việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 và không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

1.2- Quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (Giấy vay tiền- Bút lục số: 17), có nội dung: Ngày 28 tháng 12 năm 2010, bà M cho bà H vay số tiền 72.000.000 đồng; Ngày 28 tháng 01 năm 2011, bà H phải trả nợ vay cho bà M. Như vậy, ngày 28 tháng 01 năm 2011 là thời hạn cuối cùng bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay cho bà M, quá trình thực hiện hợp đồng các bên không có thỏa thuận lại thời hạn trả nợ nên thời điểm phát sinh tranh chấp kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2011.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019, bà M nộp đơn khởi kiện bà H. Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của bà M và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp đòi lại

tài sản” là đúng quy định Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xem xét nội dung “Giấy vay tiền-Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp”, Hội đồng xét xử thấy: “Giấy vay tiền” có nội dung của “Hợp đồng vay tài sản”, cụ thể: Ngày 28 tháng 12 năm 2010, bà H có vay của bà M số tiền 72.000.000 đồng, thời hạn trả cuối cùng bà H phải trả lại tiền vay cho bà M là ngày 28 tháng 01 năm 2011. Với nội dung nêu trên, đủ cơ sở để xác định: Ngày 28 tháng 12 năm 2010, bà H đã nhận số tiền vay 72.000.000 đồng từ bà M.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H đã biết rõ yêu cầu khởi kiện của bà M thông qua việc nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt nhưng bà H không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để minh chứng Bà “Đã thực hiện xong nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay là 72.000.000 đồng cho bà M”. Như vậy, đã đủ cơ sở để xác định: Bà Ngô Thị Như H là người đang sử dụng để hưởng lợi về tài sản (72.000.000 đồng) không có căn cứ pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí:

Buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận toàn bộ nên cần trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256 và Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng M.

1- Buộc bà Ngô Thị Như H phải trả lại cho bà Lê Thị Hồng M 72.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

2- Về án phí:

Buộc bà Ngô Thị Như H phải chịu 3.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Lê Thị Hồng M toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.800.000 đồng theo Biên lai số AA/2018/0000032 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Bà Lê Thị Hồng M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Ngô Thị Như H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đ;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Q.Trị;
- Chi cục THADS T.P Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

Trần Quốc Huy